

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2022/HS-PT

Ngày: 28 - 11 -2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tinh

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Quang Sơn

Ông Phạm Văn Ngọt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:**

Ông Đặng Hữu Tài - Khaiễm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công Khai vụ án hình sự thụ lý số: 83/2022/TLPT-HS ngày 03 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Trần Nam K do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2022/HS-ST ngày 02-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

*Bị cáo có kháng cáo:* **Trần Nam K**, sinh ngày 06/8/1983 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số 10/2, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: nam; dân tộc: Khainh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Văn T, sinh năm: 1951 và bà Hồ Ngọc L, sinh năm: 1963; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: có 01 tiền án. Tại Bản án số 37/2018/HS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/10/2019; tiền sự: Có 01 tiền sự. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 47/QĐ- XPHC ngày 20/11/2020 của Công an xã Đ, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, nộp phạt ngày 16/9/2021; Bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Nhân chứng:* Phan Tấn V, sinh năm 1986; Nơi cư trú: số 29/3 ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 12/5/2021, Phan Tuấn V đến chòi vịt cũng là nơi

ở của Trần Nam K tại ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre chơi, K lấy bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng ma túy và để ma túy (loại methamphetamine) vào ống thủy tinh rử V cùng sử dụng. K và V đang sử dụng ma túy thì Đoàn Văn P đến xin được sử dụng ma túy chung. K, V, P sử dụng hết ma túy trong ống thủy tinh, thì K bảo V đi mua thêm ma túy về sử dụng tiếp nhưng V bận việc riêng không đi và ra về. P muốn sử dụng ma túy tiếp nên mượn xe đạp của K đi đến xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre mua ma túy của một người không rõ lai lịch, cất giấu vào trong yên xe đạp và điều khiển trở lại chòi vịt của K thì bị bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 chai nhựa hình trụ cao 9,8cm có nắp đậy màu đỏ, trên nắp đục thủng hai lỗ, một lỗ cắm ống hút nhựa dài 16,5cm, lỗ còn lại cắm ống thủy tinh hình mở vệt dài 09cm do Trần Nam K giao nộp (đã niêm phong, ký hiệu NS3, mã số 062964), 01 ống quẹt khè.

Tại Kết luận giám định số 116/2022/KL- KTHS ngày 31/3/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre xác định: Chất dạng vệt dính trong ống thủy tinh được niêm phong trong phong bì ký hiệu NS3, mã số 062964 gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine; mẫu cần giám định tồn tại ở dạng vệt nên không xác định được khối lượng.

Ngoài ra, khoảng 11 giờ 30 phút ngày 03/8/2021, K điều khiển xe mô tô biển số 71B4-263.97 đến khu vực lộ Dinh Bà ở ấp Phú, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre mua 400.00 đồng ma túy của một người tên Thúy để mang về nhà sử dụng. Ma túy Thúy giao cho K được quấn kín lại bằng băng keo màu đen. K tháo băng keo ra một đoạn dán vào lòng bàn tay trái để cất giấu và điều khiển xe mô tô đi về. Trên đường về, đến nhà số 47/4 ở ấp Khu phố, xã Đ, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra về tội phạm ma túy Công an huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre bắt quả tang cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ: Thu trong lòng bàn tay trái của Trần Nam K 04 gói nylon được hàn kín bốn phía, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy và được quấn lại bằng keo màu đen (được niêm phong, ký hiệu A); 01 xe mô tô biển số 71B4- 263.97 và 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung.

Tại Kết luận giám định số 104/2021/GĐMT ngày 13/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre xác định: Tinh thể màu trắng đựng trong 04 gói nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu A gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,3123 gam; khối lượng còn lại sau giám định là 0,1980 gam.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2022/HS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Nam K phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Nam K 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

1.2. Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Nam K 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Trần Nam K. Xử phạt bị cáo Trần Nam K 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/8/2022, bị cáo Trần Nam K gửi kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng tuyên bị cáo không phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo, bị cáo thừa nhận bị cáo có cung cấp ma túy và bình để sử dụng chất ma túy cho V và P sử dụng ma túy vào ngày 12/5/2021. Bị cáo cho rằng “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng và yêu cầu giảm nhẹ hình phạt đối với “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Anh V trình bày: Vào ngày 12/5/2021 tại chòi vịt của K, anh có sử dụng ma túy cùng với K và P; ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy là của K, còn tình tiết cụ thể thì không nhớ Khai thế nào do thời gian đã lâu.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Trần Nam K phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm a, c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo kêu oan là không có cơ sở; về hình phạt 07 năm tù đối với “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là mức thấp nhất của khung hình phạt, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Nam K; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Nam K phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm a, c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình. Xử phạt bị cáo 07 (bảy) năm tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 02 (Hai) năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Căn cứ vào Điều 55 Bộ Luật hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Nam K phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 09 (Chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

- Bị cáo tranh luận: Bị cáo cho rằng bị cáo làm do anh Khải sắp xếp, tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy bị oan.

- Bị cáo nói lời sau cùng: không đồng ý tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thực tế là không phải vậy, tôi không định làm như vậy mà do anh Khải (Công an xã) kêu làm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý khaiئن hoặc khiêu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời Khai của bị cáo kết hợp với các chứng cứ của vụ án, có cơ sở xác định: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 12/5/2021, Trần Nam K có hành vi cung cấp chất ma túy loại Methamphetamine, bộ dụng cụ sử dụng ma túy và cùng Đoàn Văn P, Phan Tấn V sử dụng trái phép tại nơi ở của K ở ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre. Ngoài ra, vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 03/8/2021, tại ấp Khu phố, xã Đ, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, Trần Nam K bị bắt quả tang khi đang tàng trữ trái phép 0,3123 gam chất ma túy loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng.

Bị cáo cho rằng không tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tuy nhiên bị cáo cho rằng lời Khai của bị cáo trong quá trình điều tra, bị cáo tự nguyện Khai báo, nên được xem là chứng cứ khách quan để chứng minh cho hành vi và ý thức của bị cáo.

Theo lời Khai của bị cáo trong quá trình điều tra thể hiện: Tại bút lục (BL) 202-203: *“Ma túy mà tôi, P và V cá biển hôm 12/5/2021 thấy có anh em đến chơi tôi mới lấy ra rủ anh em cùng sử dụng”*; tại BL 219- 220: *“Trưa ngày 12/5/2021 lúc hơn 12 giờ thì V đến chòi của tôi nuôi vịt chơi nên sau đó tôi có lấy ma túy ra sử dụng nên V xin tôi sử dụng tôi để cho V sử dụng chung, một lúc sau P đến thấy tôi và V sử dụng nên P xin tôi cho sử dụng chung thì tôi cho P cùng sử dụng chung; tại BL 222-223: ... Khoảng 10 giờ ngày 12/5/2021 khi tôi đang ở chòi vịt thì có V, P đến chơi, tại đây tôi cũng V ngồi nói chuyện với nhau khoản 10 phút, sau đó tôi lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy đã được để sẵn ma túy bên trong ra tôi cùng V cùng nhau sử dụng, ... tôi cùng V sử dụng được khoảng 15 phút thì có P đi bộ đến, tại đây P thấy tôi và V đang sử dụng ma túy nên P xin tôi cho P cùng sử dụng ma túy, tôi đồng ý cho P cùng sử dụng ma túy cùng với tôi, V và P; Ma túy và bộ dụng cụ sử dụng ma túy mà tôi cũng V, P sử dụng vào ngày 12/5/2021 là của tôi cung cấp cho V và P sử dụng, bộ dụng cụ sử dụng ma túy đó là do tôi tự chế ra để đánh sử dụng ma túy; (phù hợp với lời Khai tại BL 227);*

Lời Khai của anh V tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời Khai của anh trong quá trình điều tra thể hiện: Theo lời Khai tại bút lục 172: *Vào khoảng 10 giờ ngày 12/5/2021 tôi đến chòi vịt của anh Trần Nam K chơi, ..., chỉ có một mình anh K tại chòi, anh K lấy lấy ma túy để sẵn trong bộ dụng cụ sử dụng và rủ tôi cùng sử dụng chung, khoảng 15 phút sau thì P cũng đến, và có vào sử dụng ma túy chung với anh K với tôi. Ma túy mà mà tôi với anh K và P sử dụng vào ngày 12/5/2021 là của anh K rủ chúng tôi cùng sử dụng còn nguồn gốc ma túy này từ đâu tôi không biết; Tại đối chất giữa K và Phan Tấn V (Tại BL 241-244), thể hiện: V trình bày: Ngày 12/5/2021 tôi có đến chòi vịt của anh K lúc hơn 09 giờ, khi đến chỉ có anh K ở chòi, chưa có ai khác, anh K lấy ra bộ dụng cụ, ..., trong nôi (ống mỏ vịt) còn một ít ma túy, loại ma túy đá, anh K sử dụng rồi tôi xin sử dụng chung nên anh K đồng ý, một lúc sau Đoàn Văn P tới, anh K sử dụng ma túy, P xin sử dụng chung nhưng anh K không nói gì thì P lấy ống hút để hút sử dụng chung với anh K và tôi, ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy là của anh K; K xác định: Lời trình bày của V hoàn toàn đúng, ngày 12/5/2021 V và P lần lượt đi trước và sau đến chòi vịt của tôi chơi, lúc đó tôi lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy và ma túy đá ra sử dụng thì V và sau đó P xin sử dụng chung nên tôi cho hai người cùng sử dụng, dụng cụ sử dụng ma túy và ma túy đá là của tôi;*

Theo lời Khai của Đoàn Văn P: Tại bút lục 150: *khoảng hơn 10 giờ ngày 12/5/2021 có đến chòi vịt của anh K chơi, tại đây nhìn thấy anh K và V đang sử dụng ma túy, tôi có nói với anh K cho tôi sử dụng ma túy cùng, thì anh K đồng ý và rủ tôi vào cùng sử dụng ma túy chung với anh K và anh V và Đối chất giữa K và Đoàn Văn P (Tại BL 233-239) thể hiện: K trình bày: Ngày 12/5/2021 tôi sử dụng ma túy tại chòi vịt của tôi cùng với P và Phan Tấn V ma túy mà tôi, P và V cùng sử dụng là ma túy của tôi mua trước đó còn lại, bộ dụng cụ sử dụng ma túy là của tôi. P xác định: Lời trình bày của K là đúng,*

Thấy rằng, qua các lời Khai của bị cáo, Phan Tấn V và Đoàn Văn P phù hợp nhau, việc V và P cùng sử dụng ma túy với K là do K đồng ý nên cả ba cùng sử dụng; ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy là của K và nơi sử dụng chất ma túy là nơi ở, quản lý của K để chăn nuôi vịt. Hành vi của bị cáo đã thực hiện là hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Trần Nam K phạm “Tội chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo cho rằng không tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là không có cơ sở.

Với ý thức, hành vi của Trần Nam K, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Trần Nam K phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm a, c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Đối với tình tiết bị cáo cho rằng việc bị cáo cho V và P sử dụng trái phép chất ma túy là do anh Khải (công an xã) kêu làm. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm

(BL 457) bị cáo đáp lời hỏi của vị Hội thẩm với câu hỏi “Việc chỉ cho P chơi ma túy mới bắt được P là do bị cáo tự nghĩ ra hay do anh Khải kêu?”; Lời đáp của bị cáo “Bị cáo tự nghĩ ra”. Do vậy, tình tiết bị cáo cho rằng anh Khải kêu bị cáo làm (cho P sử dụng trái phép chất ma túy) là không có cơ sở.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau: Về tình tiết tăng nặng: Ngày 29/11/2018, bị cáo Trần Nam K bị Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tuyên phạt 01 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn Khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Theo đơn kháng cáo của bị cáo, cho rằng bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính gia đình, vợ mới sinh con được 03 tháng. Tuy nhiên, theo lý lịch bị cáo chưa có vợ con và chưa có giấy đăng ký kết hôn. Bị cáo cho rằng có mẹ già đã ngoài 60 tuổi. Tuy nhiên mẹ của bị cáo sinh năm 1963 (chưa phải là người cao tuổi), bị cáo còn có 04 người em đã trên 18 tuổi nên có khác so với đơn kháng cáo của bị cáo nêu. Xét hành vi đối với “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” bị cáo phạm vào tình tiết định khung tăng nặng và phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm (tái phạm cả hai tội) nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 (bảy) năm tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là mức thấp nhất của khung hình phạt và 02 (Hai) năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” là phù hợp nên được giữ nguyên và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Nam K; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1

Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Nam K 07 (bảy) năm tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm a, c, khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Nam K 02 (Hai) năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ Điều 55 Bộ Luật hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Trần Nam K** phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Trần Nam K phải chịu là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND H. Thạnh Phú (3b);
- VKSND H. Thạnh Phú (1b);
- Công an H. Thạnh Phú (1b);
- CC THADS H. Thạnh Phú (1b);
- UBND xã Đ, huyện Thạnh Phú(1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Tỉnh**